

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

Bản án số: 78/2026/HS-PT
Ngày: 23-6-2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tư

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thư Linh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 60/2026/TLPT-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo Nguyễn Thị Hồng N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2026/HS-ST ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Hồng N**, sinh ngày 02/02/1977 tại tỉnh Tiền Giang (nay là tỉnh Đồng Tháp); số định danh cá nhân: 086177013986; nơi cư trú: ấp K, xã V, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị Hồng C (đã chết); chồng: Đặng Thanh L, sinh năm 1981; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/4/2025 cho đến ngày 01/8/2025 được huỷ bỏ biện pháp tạm giam; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Thanh H là Luật sư - Văn phòng L3 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V; có mặt.

(Ngoài ra, trong vụ án còn có các bị cáo Trương Lâm Gia T, Đặng Trâm A nhưng không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/12/2024, Trương Lâm Gia T và vợ là Đặng Trâm A đến nhà Trương Nguyễn Long Đ để nói chuyện vì cho rằng Đ đã nói xấu T có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Khi T và Trâm A đến thì gặp mẹ của Đ là bà Nguyễn Thị Hồng L1 (Dì ruột của Trâm A), bà L1 nói với Trâm A có việc gì thì vào nhà nói chuyện và kêu Đ ra gặp nói chuyện với T và Trâm A. T đi vào ngồi cùng bàn với bà L1 tại hành lang trước nhà còn Trâm A đứng ngoài sân. Điên từ trong nhà đi ra đến hành lang bên hông nhà thì T và Trâm A cãi nhau với Đ. Lúc này, T đứng dậy đi về phía Đ, tay phải móc lấy cây kéo trong túi quần bên phải đâm Đ, cha của Đ là ông Trương Văn L2 can ngăn thì bị T đâm một nhát trúng cẳng tay trái. Ngay sau đó, ông L2 cầm lấy ghế nhựa, Đ chạy vào nhà lấy cây dũa, Trâm A xô T rồi cả hai chạy ra hướng cổng rào. Ông L2 cầm ghế nhựa, Đ cầm cây dũa đuổi theo T và Trâm A ra gần đến cổng rào thì quay vào nhà.

Khi ra đến đường trước nhà Đ thì T bỏ đi, Trâm A đứng ngoài đường tiếp tục chửi Đ nên Đ đi ra dùng tay phải đánh hai cái trúng vào mũ bảo hiểm của Trâm A đang đội trên đầu rồi bỏ vào nhà. T đi về nhà gặp mẹ vợ là Nguyễn Thị Hồng N nói lại sự việc, T kêu N đến nhà Đ rước Trâm Anh về. N liền điều khiển xe mô tô chở T đến nhà Đ.

Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, N chở T đến dùng xe ngoài đầu đường vào nhà Đ, T xuống xe đi vào nhà Đ thì T nhìn thấy con dao để trên đồng củi không biết của ai nên nhặt lấy. Đến cổng rào T nhặt đá có sẵn trên đường ném vào nhà. Phía trong nhà, Đ cầm cây xẻng (len xuống xới đất) và kết vỏ chai bia, ông L2 cầm cây cuốc và gạch ống. Thịnh mở cửa rào ném đá nhiều lần vào ông L2 và Đ nhưng không trúng.

Một lúc sau, N chạy xe mô tô đến cổng rào thì nghe Trâm A nói: “*mẹ, tụi nó đánh vào đầu, vào cổ con*”. N đi vào nhà Đ, đến cổng rào giật lấy con dao Thịnh đang cầm trên tay, nhưng T giật lại. Sau đó N, T và Trâm A cùng đi vào sân nhà Đ; T ném đá về phía ông L2; Đ đứng ở hành lang ném vỏ chai bia về phía N và T; ông L2 ném gạch về phía T; N ném cục gạch ống vào Điện nhưng trúng vào cây cột ở hành lang trước nhà; T cầm dao chạy vào khu lò quay heo đánh nhau với ông L2. Khi N đi trở ra hướng cổng rào, đến khoảng giữa sân thì thấy ông L2 cầm cuốc đuổi đánh T chạy từ trong khu lò quay heo hướng ra cổng rào, trên tay T không còn cầm dao, N đi vào khu lò quay heo lấy một cây búa chạy theo T và ông L2. Trâm A nhặt cái ghế nhựa ném trúng vào lưng ông L2 một cái. N cầm búa đi đến sân thì gặp Đ chạy từ trong nhà đến ném vỏ chai bia trúng vào cùi chỏ tay trái của N, N giơ búa lên dọa làm Đ lùi lại. N cầm búa chạy đến chỗ ông L2 và T đang ôm vật nhau trên sân gần cổng rào, T nằm phía dưới ông L2 phía trên, T cắn vào ngực của ông L2 một cái. Lúc này N đứng bên trái người ông L2, cúi người xuống, tay phải cầm búa đánh liên tiếp nhiều cái vào người ông L2. Trâm A đứng sau lưng ông L2 dùng tay phải đánh liên tiếp vào người ông L2. Đ chạy đến cầm vỏ chai bia ném vào T nhưng không trúng rồi tiếp tục cầm cây xẻng chạy đến nhưng bị N cầm búa giơ lên nên Đ

lùi lại. N tiếp tục cầm búa đánh liên tiếp nhiều cái vào người ông L2. Khi N đang khom người đánh ông L2 thì bị Đ cầm cây xẻng đánh một cái trúng vào vai trái, N cầm búa giơ lên làm Đ lùi lại. Bà L1 chạy đi lấy cây dũa đưa cho Đ. N cầm búa, Đ cầm cây xẻng và cây dũa dọa nhau nhưng không đánh.

Sự việc xảy ra; ông L2 bị thương trên đỉnh đầu được đưa đến Bệnh viện H2 tại thành phố Cần Thơ điều trị; N bị sung bầm vai trái, sung bầm bắp tay phải, sung bầm cùi chỏ tay trái (khủy tay trái) điều trị tại nhà; bị cáo T bị thương ở đỉnh đầu được đưa đi điều trị tại Bệnh viện Q thành phố Cần Thơ. Đến ngày 19/12/2024 anh Trương Nguyễn Long Đ đến Công an xã H tố giác sự việc.

* Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 34/KLTTCT-TTPY ngày 18/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của ông Trương Văn L2 như sau:

- Vết thương vùng đỉnh phải 5cm, lộ xương do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây ra lún sọ đỉnh phải, hiện tại sẹo kích thước 5 x 0,1cm (Tỷ lệ: 02%), gãy xương sọ đỉnh phải (Tỷ lệ: 08%), không di chứng, cố tật.

- Vai không ghi nhận tổn thương, sẹo vết thương 1/3 dưới cẳng tay trái kích thước 1 x 0,2cm do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây ra, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%.

- Sẹo vết thương mu tay trái kích thước 3 x 0,1cm do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây ra, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%.

- Sẹo sát ngực trái do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây ra, hiện biến đổi sắc tố da kích thước 4 x 4cm, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Trương Văn L2 tại thời điểm giám định là: 13%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

* Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 35/KLTTCT-TTPY ngày 18/02/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N như sau:

- Chấn thương vai trái do vật tày tác động trực tiếp gây ra, hiện tại biến đổi sắc tố da kích thước 6 x 4cm, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%.

- Chấn thương khuỷu tay trái do vật tày tác động trực tiếp gây ra, hiện tại biến đổi sắc tố da kích thước 6 x 1,5cm, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%.

- Chấn thương cánh tay phải do vật tày tác động trực tiếp gây ra, hiện tại biến đổi sắc tố da kích thước 6 x 4cm, không di chứng, cố tật. Tỷ lệ: 01%.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N tại thời điểm giám định là: 03%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

* Tại Bản Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 62/KLTTCT-TTPY ngày 31/3/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh V kết luận tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị cáo Trương Lâm Gia T như sau:

- Chấn thương đầu, vết thương phần mềm vùng đỉnh # 01cm do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên chấn động não. Hiện tại sẹo vết thương kích thước 0,2 x 0,2cm. Tỷ lệ: 02%. Tổn thương không di chứng, cố tật.

- Sây sát da vùng gôi hai bên và đùi phải do vật tày có cạnh tác động trực tiếp gây nên, hiện tại sây sát da đùi phải kích thước 1 x 0,5cm. Tỷ lệ: 0,5%; Sây sát da gôi phải kích thước 1 x 0,5cm, 1 x 0,5cm, 1 x 0,3cm và 0,7 x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%; Sây sát da gôi trái kích thước 1 x 0,5cm và nhiều vết nhỏ kích thước 0,3 x 0,2cm, lớn kích thước 1 x 0,3cm. Tỷ lệ: 01%. Tổn thương không di chứng, cố tật.

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị cáo Trương Lâm Gia T tại thời điểm giám định là: 04%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

Như vậy; đối với thương tích của ông L2 xác định vết thương vùng đỉnh phải tỷ lệ 10% do bị cáo N gây ra; thương tích sẹo vết thương 1/3 dưới cẳng tay trái tỷ lệ 01% và thương tích sây sát ngực trái tỷ lệ 01% do bị cáo T gây ra; sẹo vết thương mu tay trái tỷ lệ 01% không xác định được người gây ra.

* Tại Công văn số 161/TTPY-GĐTH ngày 14/10/2025 của Trung tâm pháp y tỉnh V xác định: Thương tích của Trương Văn L2 gồm tổn thương phần mềm, tổn thương xương sọ không ảnh hưởng nhu mô não. Nếu không được cấp cứu điều trị kịp thời không ảnh hưởng đến tính mạng. Hành vi của bị cáo N không có dấu hiệu tội phạm Giết người. Thời điểm xảy ra vụ việc đánh nhau các hộ dân xung quanh không nghe thấy, không có người dân tụ tập, không gây mất an ninh trật tự và cản trở giao thông, không gây ảnh hưởng cuộc sống, sinh hoạt bình thường của người dân nên không có dấu hiệu tội phạm Gây rối trật tự công cộng.

Đối với ông Trương Văn L2: Bị cáo T trình bày khi xảy ra rượt đuổi đánh nhau với ông L2 đã bị ông L2 dùng cây cuốc đánh trúng đỉnh đầu gây thương tích tỷ lệ 02%. Quá trình điều tra, ông L2 không thừa nhận hành vi dùng cuốc đánh T gây thương tích, Cơ quan điều tra đã phối hợp Viện kiểm sát thực nghiệm hiện trường, thu thập tài liệu chứng cứ nhưng không đủ cơ sở chứng minh ông L2 gây thương tích cho bị cáo T. Hiện nay T cũng không yêu cầu xử lý đối với thương tích 02%.

Đối với Trương Nguyễn Long Đ có hành vi dùng vỏ chai bia và cây xẻng (len xuống xới đất) bằng kim loại đánh gây thương tích cho bị cáo N tỷ lệ 02%. Ngày 01/8/2025, bị cáo N tự nguyện có đơn xin rút yêu cầu xử lý hình sự đối với Trương Nguyễn Long Đ, cũng không yêu cầu Điện bồi thường khắc phục hậu quả. Ngày 01/8/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long đã ra Quyết định đình chỉ điều tra vụ án đối với Trương Nguyễn Long Đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2026/HS-ST ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Cố ý gây thương tích”;

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/4/2025 đến ngày 01/8/2025.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trương Lâm Gia T, Đặng Trâm A; xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự; án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05/3/2026, bị cáo Nguyễn Thị Hồng N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt. Ngày 13/3/2026, bị cáo Nguyễn Thị Hồng N bổ sung nội dung kháng cáo yêu cầu được giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với Bản án sơ thẩm và giữ nguyên kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo bị cáo Nguyễn Thị Hồng N làm trong hạn luật định. Về tội danh: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt và kháng cáo của bị cáo: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù là phù hợp; kháng cáo của bị cáo không có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 02 năm 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/4/2025 đến ngày 01/8/2025. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Hồng N nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

- Bị cáo tranh luận: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

- Người bào chữa cho bị cáo tranh luận: Bản án sơ thẩm đánh giá hành vi phạm tội của bị cáo chưa toàn diện nhất là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Sau khi phạm tội bị cáo đã đến Cơ quan điều tra trình bày hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra bị hại Trương Văn L2 đã có đơn xin không xử lý hình sự đối với bị cáo, bị cáo cũng có đơn xin không xử lý hình sự đối với Trương Nguyễn Long Đ; hiện tại bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị cáo lái xe thuê không đủ thu nhập lo cho gia đình, mặc dù bị cáo không thuộc diện hộ nghèo nhưng gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét những tình tiết này để

giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ngoài những tình tiết giảm nhẹ mà Toà án cấp sơ thẩm đã xác định. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, là nhân dân lao động, nhất thời phạm tội, mong Hội đồng xét xử xem xét vụ án này bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ, bị cáo cũng không phạm tội giết người, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo chỉ dùng hung khí nguy hiểm; bị cáo thành khẩn khai báo, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo giáo dục tốt với sự giúp đỡ của chính quyền địa phương, mức hình phạt mà Toà án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo không quá 03 năm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện chăm sóc con cháu và lo cho gia đình.

- Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo có điều kiện lo cho con nhỏ và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định:

Vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 18/12/2024, bị cáo Trương Lâm Gia T cùng vợ là bị cáo Đặng Trâm A đến nhà Trương Nguyễn Long Đ để nói chuyện vì cho rằng Đ nói xấu T có hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Khi đến nhà Đ thì xảy ra cự cãi nhau với Đ. Trong lúc cự cãi T dùng cây kéo đâm Đ thì ông Trương Văn L2 vào can ngăn bị T đâm một nhát trúng cẳng tay trái gây thương tích 01%. Sau đó, bị cáo T về nhà gặp mẹ vợ là bị cáo Nguyễn Thị Hồng N kêu bị cáo N đến nhà Đ rước bị cáo Trâm A về. Đến khoảng 15 giờ 45 phút cùng ngày, bị cáo N chở bị cáo T đến nhà Đ; tại đây N, T và Trâm A tiếp tục cự cãi đánh nhau với ông L2 và Đ. Bị cáo N dùng cây búa đánh vào đầu ông L2 gây thương tích 10%; bị cáo Trâm A dùng ghế nhựa ném một cái và dùng tay đánh nhiều cái vào người ông L2; bị cáo T cắn vào ngực ông L2 gây thương tích 01%. Tổng tỷ lệ tổn hại sức khỏe của ông L2 là 12%. Đối với thương tích 01% không xác định được người gây ra nên không xử lý;

Các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N, Trương Lâm Gia T dùng hung khí nguy hiểm, phạm tội có tính chất côn đồ;

Bị cáo Đặng Trâm A cùng ý chí với các bị cáo Nguyễn Thị Hồng N và Trương Lâm Gia T tấn công gây thương tích cho ông Trương Văn L2 với tỷ lệ thương tật 11%, nên phải cùng chịu trách nhiệm với hậu quả đã gây ra;

Riêng bị cáo Trương Lâm Gia T phải chịu trách nhiệm hình sự với tỷ lệ thương tật của ông Trương Văn L2 là 12%.

[3] Về tội danh: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; chỉ vì nguyên cơ nhỏ nhen đã dùng búa là hung khí nguy hiểm đánh vào đầu của bị hại Trương Văn L2 và cùng với các bị cáo Đặng Trâm A, Trương Lâm Gia T gây thương tích cho bị hại Trương Văn L2 với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 12%; bị cáo phạm tội với lỗi cố ý; hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại, gây mất an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Với ý thức, hành vi, nguyên nhân, hung khí gây án và hậu quả xảy ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phạm tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung “*Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này*” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a “*dùng hung khí nguy hiểm*” và điểm i “*có tính chất côn đồ*” khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng:

Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo N được hưởng các tình tiết “*tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có người thân có công với cách mạng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 02 năm 06 tháng tù;

Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Mặc dù bị cáo Nguyễn Thị Hồng N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên thấy rằng mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại L2, chỉ vì nguyên cơ nhỏ nhen giữa bị cáo T và bị cáo Trâm A với anh Trương Nguyễn Long Đ xảy ra cự cãi dẫn đến đánh nhau tại nhà ông L2, nhưng bị cáo N đã đến nhà ông L2 dùng búa là hung khí nguy hiểm đánh vào đầu của ông L2; cùng bị cáo Trâm A dùng ghế nhựa ném, dùng tay đánh nhiều cái vào người ông L2, bị cáo T cắn vào người ông L2, đã gây thương tích cho ông L2 với tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ

thể là 12%. Bị cáo N phạm tội có khung hình phạt tù từ 02 năm đến 06 năm, thuộc loại tội phạm nghiêm trọng bởi tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội lớn, đã xâm phạm nghiêm trọng đến sức khỏe của bị hại, phạm tội với lỗi cố ý, phạm tội có 02 tình tiết định khung tăng nặng là *dùng hung khí nguy hiểm* và *có tính chất côn đồ* theo điểm a, i khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự, điều đó thể hiện bị cáo N có ý thức xem thường pháp luật và sức khỏe của người khác; Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N, xử phạt bị cáo N mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và hậu quả bị cáo gây ra. Tại cấp phúc thẩm bị cáo N có cung cấp Huân chương kháng chiến hạng ba của bà Nguyễn Thị Hồng C là bà ngoại của bị cáo, nhưng tình tiết giảm nhẹ này đã được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo; ngoài ra bị cáo N còn cung cấp Giấy xác nhận của Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở H3 về việc tích cực tham gia hoạt động hỗ trợ chăm lo cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (cũ), Giấy khen của Đặng Thanh H1 đạt danh hiệu “Học sinh giỏi năm 2024 - 2025” là con của bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, thấy rằng mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là tương xứng, không có cơ sở để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt của bị cáo. Mặt khác, do bị cáo phạm tội có tính chất côn đồ nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo; giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[5] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Người bào chữa đề nghị xem xét bị cáo phạm tội không có tính chất côn đồ và cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử, nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Hồng N; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 11/2026/HS-ST ngày 27/02/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Vĩnh Long.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Hồng N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được trừ vào thời gian tạm giam từ ngày 25/4/2025 đến ngày 01/8/2025.

2. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Bị cáo Nguyễn Thị Hồng N phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm về trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo Trương Lâm Gia T, Đặng Trâm A; xử lý vật chứng; trách nhiệm dân sự và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Tòa án nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long (3b);
- VKS nhân dân khu vực 4 – Vĩnh Long (1b);
- Phòng THADS khu vực 4 – Vĩnh Long (1b);
- UBND + CA xã Vĩnh Xuân (2b);
- Bị cáo (1b);
- Người bào chữa (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Vĩnh Long (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông